| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MƯỜNG CHÀ**<br>TỈNH ĐIỆN BIÊN | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 09/2025/HNGĐ- ST
Ngày: 16/6/2025
*V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Ngọc
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Quàng Văn Sun và ông Khoàng Văn Hặc
***- Thư ký phiên tòa***: Ông Quàng Văn Long, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên;

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quàng Thị M, sinh năm 1994 (Có mặt)
Nơi ĐKNKTT: Bản M1, xã M2, huyện M3, tỉnh Điện Biên.
Chỗ ở: Bản C, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên.
- Bị đơn: Anh Lò Văn Th, sinh năm 1988 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Bản M1, xã M2, huyện M3, tỉnh Điện Biên.
- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A Ch - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện ngày 04/02/2025, quá trình giải quyết nguyên đơn chị Quàng Thị M trình bày:***

Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn Th tổ chức đám cưới về chung sống với nhau từ đầu năm 2012 , đến ngày 15/5/2012 thì mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M2, huyện M3, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm và thường xuyên cãi vã, đánh mắng chửi nhau, hai vợ chồng không còn quan tâm chia sẻ với nhau, không còn cùng nhau vun vén kinh tế, chăm sóc con cái và xây dựng cuộc sống chung, hai vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2024. Nay xét thấy tình cảm không còn chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th;

Về con chung: Chị M đề nghị giải quyết việc nuôi con chung đối với cháu Lò Mai L sinh ngày 05/6/2013 và cháu Lò Khánh T sinh ngày 09/01/2019, các cháu khỏe mạnh phát triển bình thường, cháu L đang ở với anh Th, cháu T đang ở với chị M. Tại đơn khởi kiện chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu. Tại phiên tòa chị M thay đổi một phần yêu cầu, đề nghị được nuôi dưỡng trực tiếp cháu Toàn, để cháu L cho anh Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị M không yêu cầu giải quyết.

Về quan hệ tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình giải quyết, tại văn bản đề nghị ngày 30/5/2025, anh Lò Văn Th trình bày:***

Về hôn nhân: anh Th nhất trí ly hôn với chị Quàng Thị M vì tình cảm không còn, chị M không quan tâm chồng con, không cùng nhau vun vén kinh tế, xây đắp hạnh phúc chung.

Về con chung: Hai vợ chồng có hai con chung là cháu Lò Mai L sinh ngày 05/6/2013 và cháu Lò Khánh T sinh ngày 09/01/2019. Anh Th đề nghị giải quyết việc nuôi con theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của các cháu. Do cháu L đang ở cùng anh Th nên đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh Th. Về cấp dưỡng nuôi con anh Th chưa có yêu cầu gì.

Về quan hệ tài sản: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc nên anh Th có đơn xin xét xử vắng mặt và từ chối tiến hành hòa giải.

Cháu L có đơn xin được ở với anh Lò Văn Th.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, ông Lý A Ch đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Quàng Thị M, giải quyết cho chị M được ly hôn với anh Lò Văn Th do anh chị không còn tình cảm. Về việc nuôi con đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh Th, giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, không đề cập giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản vì các đương sự không yêu cầu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**[1] Về thủ tục tố tụng**:

- Về thủ tục thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 25/4/2025 chị Quàng Thị M nộp đơn khởi kiện đề ngày 04/02/2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con tại Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên đối với anh Lò Văn Th; Địa chỉ: Bản M1, xã M2, huyện M3, tỉnh Điện Biên. Chị M có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Ngày 28/4/2025 chị M được chấp nhận miễn nộp tạm ứng án phí, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị M theo khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Quàng Thị M và anh Lò Văn Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Anh Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Th.

**[2] Về yêu cầu khởi kiện**:

Về hôn nhân: Chị Quàng Thị M và anh Lò Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mường Tùng, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. ngày 15/5/2012 các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị M, anh Th là hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì lâm vào mâu thuẫn. Hiện chị M và anh Th không còn quan tâm, tôn trọng, chia sẻ và chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường xuyên cãi vã xô xát, không cùng nhau vun vén kinh tế chăm sóc con cái, hiện đã ly thân nhau. Những nội dung trên các bên đều thừa nhận, chính quyền địa phương cũng đã xác nhận. Chị M cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn, anh Th cũng nhất trí ly hôn. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc hai vợ chồng không còn hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định hai bên đương sự đã vi phạm nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị M, giải quyết cho ly hôn giữa chị M với anh Th.

Về con chung: Chị M và anh Th có hai con chung là cháu Lò Mai L sinh ngày 05/6/2013 và cháu Lò Khánh T sinh ngày 09/01/2019. Hội đồng xét xử thấy rằng chị M có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T, đề anh Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L. Anh Th cũng đề nghị giải quyết nuôi con theo quy định của pháp luật và theo nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng, cháu L đang ở với anh Th, cháu T đang ở với chị M. Cháu L có nguyện vọng được ở với anh Th. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi của các con chung, đảm bảo việc ăn ở sinh hoạt ổn định của các cháu, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chung là cháu L. Hội đồng xét xử thấy cần căn cứ các quy định tại Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 giao cháu T cho chị M, giao cháu L cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp và đảm bảo các quy định của pháp luật. Các bên không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

**[3] Về Án phí**: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho

chị M được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm của vụ án do chị M là người dân tộc thiểu số cư trú tại nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn có đơn xin miễn tiền án phí.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, các khoản 1, 2 Điều 81 luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quàng Thị M, cho ly hôn giữa chị Quàng Thị M và anh Lò Văn Th.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Khánh T sinh ngày 09/01/2019 cho chị Quàng Thị M, giao cháu Lò Mai L sinh ngày 05/6/2013 cho anh Lò Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Các quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Chị Quàng Thị M được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/6/2025), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận**:
- *VKSND huyện Mường Chà;*
- *Chi cục THADS huyện Mường Chà;*
- *Tòa án tỉnh Điện Biên;*
- *UBND xã M1;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP;*

**Nguyễn Thanh Ngọc**